

VIỆT NGỮ THUẦN VIỆT...

Trên thế giới có đến 6.900 ngôn ngữ khác nhau bao gồm ngôn ngữ chính thức và các thổ ngữ. Trung Hoa và Ấn Độ là hai quốc gia rộng lớn và đông dân. Trung Hoa có từ 400 đến 500 thổ ngữ khác nhau. Ấn Độ có 2.000 thổ ngữ. Hiến pháp Ấn Độ phải ấn định tiếng Hindi và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức được lưu dùng trong nước. Phi Luật Tân là quần đảo có trên 7.000 hòn đảo diện tích lớn nhỏ khác nhau. Họ có 13 ngôn ngữ lưu dùng trong nước. Quan trọng nhất là tiếng Tagalog. Ngoài ra còn có 171 thổ ngữ khác nhau được nói ở các địa phương rải rác khắp các quần đảo. Trường hợp Indonesia cũng có những phức tạp ngôn ngữ tương tự. Ở Indonesia có 583 ngôn ngữ và thổ ngữ. Tiếng Javanese được 85 triệu người nói.

Cùng sống chung trong một quê hương nhưng ngôn ngữ khác nhau nên sự thông hiểu và hòa hợp với nhau cũng có ít nhiều trở ngại. Trung Hoa là quốc gia có quá khứ lịch sử lâu đời. Họ có chữ viết nhưng cách đọc khác nhau vì mỗi vùng lãnh thổ có tiếng nói riêng. Cuộc cách mạng văn hóa Trung Hoa ra đời không đầy một thế kỷ sau khi Hu Shi (Hồ Thích), tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ, và Chen Duxiu (Trần Độc Tú), tốt nghiệp đại học ở Nhật và Pháp về nước. Đến khi Mao Zedong (Mao Trạch Đông) thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc năm 1949, tiếng Quan Thoại (Mandarin) ở miền Bắc được xem là tiếng thống nhất của lục địa Trung Hoa.

Ở điểm này người Việt Nam khoan vội hào vì giữ được tiếng nói, mặc dù không có chữ viết sau trên 1.000 năm bị người Trung Hoa đô hộ, vì người Việt như những tộc trong nhóm Bách Việt (Po Yue) ở phía nam sông Yang Tze (Dương Tử) học chữ Hán nhưng phát âm theo ngôn ngữ của tộc mình. Các nhà nho Việt Nam đọc và hiểu chữ Hán nhưng không thể đàm thoại với người Hoa. Nhà cách mạng Phan Bội Châu (Sào Nam) chỉ bút đàm khi đàm đạo với Leang Ki-chao (Lương Khải Siêu) hay Sun Yat-sen (Tôn Dật Tiên). **Tiếng Việt nguyên thủy bắt nguồn từ người Mường** không liên hệ với ngôn ngữ Môn-Khmer. Người Mường là tác giả của trống đồng, những chuyện cổ tích Việt Nam và là những người rút vào rừng sâu để trường kỳ kháng chiến chống Bắc xâm. Những Động Khuất Liêu, Động Hoa Lư, Động Lam Sơn như nhắc nhở chúng ta về liên hệ Mường của dân tộc. Không phải không duyên cớ mà Ngô Sĩ Liên đề cao người Mường trong Đại Việt Sử Ký, một cuốn sử có giá trị được soạn thời Hậu Lê.

Sau 11 thế kỷ Bắc thuộc trong ngôn ngữ Việt có rất nhiều chữ Hán. Tiền nhân chúng ta học chữ Hán. Các kỳ thi tam trường đều được mô phỏng theo Trung Hoa. Chữ Hán được các thầy Đồ (sinh đồ: tú tài) giảng dạy ở các tư thực tại gia, được dùng trong các kỳ thi, trong các tấu, sớ của triều đình và văn thơ hành chánh trong nước. Bên cạnh những từ ngữ nôm có thêm từ ngữ Hán-Việt phát âm giống tiếng Guangdong (Cantonese - Canton - Kuangchou - Guangzhou, Quảng Châu, thủ phủ của tỉnh Guangdong) đại cương như:

Việt	Hán-Việt (phần lớn là âm theo tiếng Quảng Đông)
Vua	Vương
Một	Nhất
Hai	Nhị
Ba	Tam
Bốn	Tứ
Ngày	Nhật
Thịt	Nhục
Bò	Ngưu
Trâu	Thủy Ngưu
Trời	Thiên
Đất	Địa
Con	Tử
Trước	Tiền
Sau	Hậu v.v...

Một số từ ngữ Trung Hoa liên quan đến thức ăn hay cờ bạc được Việt hóa và dùng trong đời sống hàng ngày như hoành thánh, dầu cháo quẩy, bánh bao, xá xíu, bò bía, tài xỉu (đại tiểu), dì dách, xập xám v.v...

Hầu hết các từ kép, từ chánh trị, luật học, y khoa, dược học, toán học, âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc, tôn giáo, lịch sử, địa lý, địa chất học... đều có gốc Hán-Việt. Ông Hoàng Xuân Hãn soạn ra Danh Từ Khoa Học bằng tiếng Việt dịch từ tiếng Pháp bằng cách tìm những từ ngữ Hán-Việt tương đương. Ông là nhà Tây học nhưng biết chữ Hán. Tên khoa học của thảo mộc trên thế giới được mang tên La Tinh và Hy Lạp. Tên dược thảo ở Đông Phương đều có tên chữ Hán hay tiếng Hindi, Sanskrit.

Đạo Phật có ảnh hưởng rộng rãi ở Việt Nam. Nhưng Phật Giáo Đại Thừa ở Việt Nam do các sư tăng Trung Hoa truyền giảng. Kinh Phật được viết bằng chữ Hán. Các bài chú bằng tiếng Sanskrit được các sư tăng Trung Hoa âm trại ra. Do đó trong ngôn ngữ Việt Nam không có nhiều từ xuất

phát từ tiếng Hindi. Sidharta âm thành Tất Đạt Ta; Sakya Muni (nhà hiền triết tộc Sakya) trở thành Thích Ca Mâu Ni; Nirvana: Niết Bàn; karma: nghiệp chướng; bodhi: cây Bồ Đề; Mahayana: đại thừa; Hinayana: tiểu thừa v.v...

Trong quá trình Nam tiến Tiếng Việt được phong phú hóa nhờ tiếp xúc với người Chăm thuộc văn hóa Ấn Độ và Hồi Giáo, với người Khmer chịu ảnh hưởng của Ấn Giáo rồi Phật Giáo Tiểu Thừa và nhờ sự né tránh việc dùng tên vua, chúa, hoàng hậu, các con và thành viên liên hệ đến hoàng tộc.

Những địa danh Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết đều có âm hưởng của ngôn ngữ Chăm, một ngôn ngữ có nhiều liên hệ với ngôn ngữ Ấn Độ và Sanskrit (Phạn). Quốc hiệu Champa (Chiêm Thành) có nghĩa là hoa sứ theo tiếng Ấn Độ.

Nhiều địa danh hay tên gọi ở Nam Kỳ mang âm hưởng của tiếng Khmer như Mỹ Tho (Mêsa: Bà Trắng), Sa Đéc (Phsar Deck: chợ sắt), Bạc Liêu (Po-loeuh: cây da cao lớn), Cà Mau (Tuk khmau: nước đen), thốt nốt (thnot), bình bát (mean bat), xoài (Sway), muom (muôm - xoài muôm) v.v...

Dưới chế độ phong kiến thảo dân không được nói đến tên vua, hoàng hậu hay các thành viên trong hoàng tộc. Thí sinh phạm trường qui tức khắc bị đánh rớt vì đó là một sự hỗn láo đối với giới cầm quyền tự xem đã nhận Thiên mạng từ Trời. Từ đó ta có nhiều từ đồng nghĩa nhưng không đồng âm. Nhân trở thành Nhơn; Nghĩa: Ngãi; Đức: Đước; Phúc: Phước (chữ lót của họ Nguyễn); Đàm: Đờm; Hoa: Huê; Hồng: Hường; Nhậm: Nhiệm; Tôn: Tông v.v... Bà Hồ Thị Hoa, người huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa, là hoàng hậu dưới triều Minh Mạng. Vì bà tên Hoa nên Cầu Hoa phải đổi thành Cầu Bông; Thanh Hoa đổi thành Thanh Hóa (thêm dấu); Hoa Kiều đổi thành Huê Kiều; Hoa lợi thành Huê lợi v.v... Vào năm 1862 Pháp chiếm ba tỉnh Nam Kỳ. Trần Tử Ca, một viên chức xã thôn ở Hóc Môn, ra hợp tác với Pháp, theo đạo Thiên Chúa và được vào ngạch đốc phủ sứ, một ngạch hành chánh cao cấp dành cho người bản xứ hợp tác với Pháp được thiết lập theo lời đề nghị của Tôn Thọ Tường. Ông được gọi là Phù Ca. Vì ông tên Ca dân chúng trong vùng Sài Gòn – Gia Định không dám gọi xoài thanh ca mà gọi ngắn gọn là xoài thanh.

Võ Trường Toàn, một người Minh Hương, được xem là một đại phu tử ở Nam Kỳ vào thế kỷ XVIII. Người Minh Hương góp phần đắc lực vào việc khai phá châu thổ sông Đồng Nai và sông Cửu Long. Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định đều là môn sinh của đại phu tử Võ Trường Toàn. Cả ba vị này đều là những người lập nhiều công to khi phục vụ chúa Nguyễn Ánh trong thời kỳ nội chiến giữa dòng Nguyễn Phúc và nhà Tây Sơn. Dưới triều vua Minh Mạng, Phan Thanh Giản, một người Minh

Hương khác, đậu tiến sĩ. Ông là người Nam Kỳ đầu tiên đậu tiến sĩ dưới triều Nguyễn. Những nhà nho gốc Minh Hương vừa kể khác với các nhà nho Việt Nam vì họ biết chữ Hán và phát âm theo người Việt lẫn người Hoa.

Chữ quốc ngữ La Tinh hóa hiện hành là công trình nghiên cứu của giáo sĩ Alexandre de Rhodes vào thế kỷ XVII để cho việc truyền đạo Thiên Chúa được dễ dàng. Vào thời này chúa Trịnh ở Đàng Ngoài cấm đạo Thiên Chúa. Người theo đạo bị khắc trên trán dòng chữ học theo Hòa Lan đạo vì chúa cho rằng đạo Thiên Chúa là đạo của người Hòa Lan. Thực tế người Hòa Lan theo đạo Tin Lành. Họ nặng về việc kinh thương hơn truyền đạo như người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Pháp. Vì chúa Trịnh cấm truyền giảng đạo Thiên Chúa nên chữ quốc ngữ chưa phổ biến mạnh trong cộng đồng giáo dân Thiên Chúa ở Đàng Ngoài. Ở Nam Kỳ giáo sĩ Pigneau de Behaine (Bá Đa Lộc) giảng đạo Thiên Chúa ở vùng Hòn Đất, Hà Tiên vào thế kỷ XVIII. Chữ quốc ngữ được phổ biến cho giáo dân vùng Vịnh Xiêm La (Vịnh Thái Lan bây giờ). Giáo sĩ Pigneau de Behaine tìm cách vận động với triều đình Pháp thời vua Louis XVI giúp đỡ cho Nguyễn Ánh đánh nhà Tây Sơn. Nếu Nguyễn Ánh thành công, Pháp có ảnh hưởng tôn giáo lẫn kinh tế-chính trị quan trọng ở Việt Nam.

Năm 1862 rồi 1867 Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa để làm bàn đạp chiếm Bắc và Trung Kỳ. Chữ quốc ngữ được giảng dạy cùng Pháp ngữ trong các trường học do Pháp thành lập ở Nam Kỳ. Các giáo dân là những người Việt Nam đầu tiên biết chữ quốc ngữ và Pháp ngữ. Pétrus Trương Vĩnh Ký, Paulus Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký là những người có công trong việc viết sách bằng chữ quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam. Tờ Gia Định Báo, tờ báo đầu tiên của người Việt Nam do Pétrus Trương Vĩnh Ký thành lập năm 1865 được viết bằng quốc ngữ pha lẫn với Pháp ngữ. Gia Định Báo không phải là tờ báo hiểu theo nghĩa bây giờ. Nó được xem như một công báo (Journal Officiel) để loan tin tức và hoạt động của chính quyền thuộc địa. Lê Phát Đạt, ông ngoại của Nam Phương hoàng hậu, là tín đồ Thiên Chúa giáo Nam Kỳ biết viết quốc ngữ và tiếng Pháp. Ông tốt nghiệp Trường Thông Ngôn (Ecole des interprètes). Trương Vĩnh Ký là một thành viên trong ban giảng huấn của trường. Nhờ giỏi tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và giàu có, Lê Phát Đạt được danh hiệu HỌC SĨ và được ban hàm HUYỆN (Huyện honoraire) nên ông được gọi là Huyện Sĩ.

Nam Kỳ là đất thuộc địa do Pháp trực trị. Trung và Bắc Kỳ là đất bảo hộ. Vua Việt Nam trên danh nghĩa vẫn còn ảnh hưởng ở Trung, Bắc Kỳ. Hán học bị bãi bỏ ở Bắc Kỳ năm 1915 và ở Trung Kỳ năm 1918. Pháp ngữ và quốc ngữ La Tinh hóa bắt rễ trên hai vùng đất bảo hộ trước khi các kỳ thi tam trường bị bãi bỏ. Tú Xương (Trần Tế Xương) cảm thấy mình chẳng những bất toại trong các kỳ thi tam trường mà còn lỗi thời khi than:

*Cái học ngày nay đã hỏng rồi
Mười người theo học chín người thôi.*

Người Pháp du nhập vào Việt Nam từ tôn giáo, âm nhạc, nghệ thuật, thể thao, kiến trúc, học thuật, khoa học kỹ thuật, kể cả kỹ thuật đóng giày, nghề hớt tóc, đến các loại rau cải thức ăn mang từ Châu Âu đến. Kinh Thánh được dịch ra Việt Ngữ. Chữ Catholicisme dịch thành đạo Gia Tô. Các địa danh ở Trung Đông như Do Thái, Syria, Ai Cập, Mesopotamia (Lưỡng Hà Châu) được phiên âm kể cả tên Đức Chúa Jesus (Giê-Su); giống như chánh quyền miền Bắc trong thời kỳ đất nước qua phần phiên âm danh nhân hay địa danh trên thế giới như Washington thành Oa-Sinh-Tông, Lenin thành Lê-Nin, Stalingrad thành Xi-ta-lin-gờ-rad, Paris thành Pa-ri, Genève thành Giơ-neo-vơ, Trotsky thành Tơ-ros-ky v.v...

Khi tiếp xúc với người Pháp, tiếng Việt bắt đầu có những từ tiếng Pháp được Việt hóa và lưu dùng như: Ô-tô (automobile), cùi-dì (cuillère), cái tách (tasse), xe hủ lô (rouleau), xe bù-ệt (brouette), rượu vang (vin), bia (bière), cải xà lách (salade), phô-mai (fromage), bơ (beurre), tốp (stop), ô-liu (olive), cà-tô-mát (tomate), cải xà lách son (cresson), cà phê (café), cao su (caoutchouc), thịt cốc-lết (cotelette), cây lách (arbre), cây dên (bielle), cái mỏ-lét (molette), bù-lon (boulon), dây lập lồng (fil a plomb), cái tông-dơ (tondeuse), phim (film), sã (chambre), cái phanh (frein), phú-lít (police), sen đầm (gendarme), lính sã đá (soldat), ông ách (adjutant), ông cai (caporal), bà đầm (dame), bánh mì ba-ghết (baguette), ba-dơ (base), sút (soude), xà bông (savon), ô-mơ-lét (omelette), hột gà ốp-la (oeufs sur plat), ba gai (bagarre), làm reo (grève), làm cỏ-vê (corvée), đậu que (haricot vert), con vệt (vert – con kết màu xanh lá cây), trái bom (bombe), trái ‘bom’ (pomme), ống bơm (pompe), trái sơ-ri (cerise), ách (ace) trong bài ‘cắt-tê’ (cartes), cơ (coeur), rô (carreau), bích (pique), ra-gu (ragout), bíp-tết (beefsteak – tiếng Anh được người Pháp dùng), tốp (stop – tiếng Anh được người Pháp dùng bên cạnh chữ arrê) v.v...

Có hiện hữu, có thấy vật mới đặt tên. Dân ta ăn cơm nên chỉ biết lúa gạo. Khi tiếp xúc với người Pháp mới biết lúa mì, bột mì. Và bánh làm từ bột mì được gọi là bánh mì. Sự hiểu biết về địa lý hay chủng tộc học hầu như vắng bóng nên khi gặp người Phi Châu trong hàng ngũ quân đội Pháp thì gọi họ là Tây Đen vì họ to lớn như Tây nhưng da màu đen. Uống rượu có màu đỏ hồng hay trắng-xanh nhạt được người Pháp gọi là VIN nên gọi là rượu vang. Khi uống thấy có vị chát lại gọi là rượu chát. Tìm hiểu biết rượu ấy làm từ nho nên gọi là rượu nho. Chữ mô-tô chưa xuất hiện khi người Việt Nam thấy chiếc Motobécane đầu tiên ở Việt Nam. Nghe tiếng nổ người ta gọi đó là xe ‘bình bịch’. Phi cơ được gọi đơn giản là máy bay vì nó bay trên trời như chim. Chiếc tàu chạy trên mặt nước gọi là tàu thủy, đối ngược với tàu hỏa tức chiếc xe lửa vì nó chạy bằng than cháy đỏ và phun khói đen ngịt một góc trời. Âm nhạc mà người Pháp du nhập vào nước ta

khác hẳn với âm nhạc sẵn có trong nước. Nhạc cụ, trống kèn, chập chửa khác với đàn gáo, đàn bầu, đàn kìm, đàn tranh, ống tiêu, trống cơm... nên có một thời âm nhạc mới này được gọi là ‘âm nhạc cải cách’, ‘tân nhạc’. Nhạc cụ bắt đầu có tên Việt Nam hay tên Việt hóa như đàn băng-giô (banjo), măng-đô-lin (mandoline), đàn vi-ô-lông (violon) rồi vĩ cầm, đàn ghi-ta (guitare), Tây Ban Cầm (guitare espagnole), Hạ Uy Cầm (guitare hawaiiienne), kèn hạt-mô-ni-ca (harmonica – khẩu cầm), đàn ac-cot-đê-ông (accordeon), pi-a-no (piano – dương cầm), v.v...

Trong tiếng Việt đã có tiếng Anh ngay dưới thời Pháp thuộc, nghĩa là trước khi tiếp xúc với người Hoa Kỳ. Từ ngữ tiếng Anh Việt hóa phần lớn là những từ ngữ liên quan đến các bộ môn thể thao như banh (ball), cọt-ne (corner), bê-nanh-ty (penalty), giữ gôn (goal keeper), tơ-nít (tennis), đánh bốc (boxing – quyền Anh), nốc ao (knock out), nốc đao (knock down), banh bong (pingpong - bóng bàn), bóng rổ (basket ball), vô-lây (voley ball – bóng chuyền) v.v... Trẻ em chơi đánh, tù, tì (one, two, three). Trong thức ăn có bánh xăng-quít (sandwich), bíp-tết (beefsteak), rượu quít-ky (whisky), v.v...

Tiếng Việt vẫn vẻ và đầy chữ Hán, Nga ngữ và các ngoại ngữ khác từ khi Lin, tức Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh sau này thụ huấn ở Liên Xô về Hồng Kông lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam (1930). Những từ bình dân, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa, cộng sản, bôn-sê-vít (Bolsheviks), men-sê-vít (mensheviks), lô-gic (logique), phạm trừ (norme), abc (anti-bolchéviste), tư sản, trí thức tiểu tư sản (Petit bourgeois intellectuel), trí, phú, địa, hào, dân chủ, bình đẳng, bình quyền, vô sản, tư hữu, nhân sinh quan, thế giới quan, khách quan lịch sử, chủ quan lịch sử, duy vật biện chứng, giai cấp đấu tranh, giải phóng, mặt trận, liên đoàn, liên minh, đồng minh, thực dân, phong kiến, phát xít... được lập đi lập lại gần như hàng ngày sau cách mạng tháng 08 ở nông thôn. Từ ‘thanh niên’ thay thế cho trai tráng, ‘phụ nữ’, ‘lão ông’, ‘lão bà’ thay vì đàn bà, đàn ông, bà già; ‘nhi đồng’ thay vì trẻ em, con nít. Khi hỏi tuổi người ta nói: “Anh được bao nhiêu niên kỷ?”. Trong vùng Việt Minh kiểm soát trong chiến tranh Việt-Pháp có nhiều thay đổi đột ngột trong chánh tả Việt ngữ. Trong tiếng Việt không có chữ F, J, W, Z. Bây giờ chữ F được dùng để thay thế chữ PH. PHÁP được viết thành FÁP. Súng SKZ thoát mới nghe tưởng là phát minh vũ khí của Liên Xô, Đức Quốc hay Tiệp Khắc, nào ngờ đó là chữ tắt của Súng Không Zật (Giật) do Phạm Quang Chánh tức Trần Đại Nghĩa làm ra bằng sắt thép đường rầy xe lửa. Chữ Y hầu như bị thủ tiêu. Mỹ viết thành Mĩ chẳng hạn. Gạch nối bị bãi bỏ trong chánh tả miền Bắc sau năm 1954 ngoại trừ bí danh Trường-Chinh, tổng bí thư đảng Lao Động Việt Nam.

Trong thời kỳ đất nước qua phân miền Bắc và miền Nam có hai chế độ chánh trị khác nhau. Miền Bắc chịu ảnh hưởng chánh trị của Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, hai nước cộng sản đàn anh tranh giành

ảnh hưởng và quyền lãnh đạo trong khối Cộng Sản. Ở miền Nam ảnh hưởng chánh trị của Pháp giảm sút trước ảnh hưởng chánh trị Hoa Kỳ. Tiếng Pháp vẫn còn dạy ở bậc trung học, nhưng đến thập niên 1960 tiếng Anh nắm ưu thế hết miền Nam.

Tùy theo chế độ Cộng Sản, Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc có những mâu thuẫn sâu sắc về mọi vấn đề xuất hiện. Liên Xô đại diện chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa của các quốc gia kỹ nghệ theo chủ nghĩa Marx-Lenin. Mao Zedong sửa đổi chủ nghĩa Marx-Lenin thành chủ nghĩa Mao (Maoism), tức chủ nghĩa Cộng Sản nông nghiệp kết hợp với chủ nghĩa bành trướng dân tộc Hán (Pan-Hanism) (xin lỗi chữ này do tôi đặt ra). Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa có ảnh hưởng to lớn ở miền Bắc sau năm 1954 vì nước này viện trợ cho Việt Nam vũ khí, thuốc men, lương thực, cố vấn chánh trị và quân sự trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tên Hồ Chí Minh là người do Liên Xô đào luyện. Ông lo ngại Trường-Chinh dựa vào thế lực của Beijing (Bắc Kinh) lấn át quyền hành của ông. Miền Bắc tìm cách nô m na hóa Việt ngữ và thay đổi Âm Lịch (1967) khác với Âm Lịch Trung Hoa như một hành động độc lập với Trung Hoa Cộng Sản để lấy lòng Liên Xô và tránh tiếng lệ thuộc Bắc quốc đối với dân chúng miền Bắc. Từ đó ta có hồ xí thay cho cầu tiêu, xưởng để thay cho nhà bảo sanh, máy bay thay cho phi cơ, máy bay lên thẳng thay cho trực thăng, lính thủy đánh bộ thay cho thủy quân lục chiến (marine), giặc lái chỉ phi công của phe địch (Mỹ và VNCH) v.v... Nhưng họ lại mâu thuẫn và mị dân với những từ hộ khẩu, xe cải tiến (xe bù-ệt – brouette), tổng tẩy quan (người quét dọn), văn công, bần cố nông, công nghiệp, nghệ nhân, vô sản chuyên chính, tập thể hóa nông nghiệp... và muôn ngàn từ ngữ chất chứa khó hiểu khác còn mang ấn dấu Hán- Việt!

Nếu ở miền Bắc người ta 'nôm na hóa' Việt ngữ thì ở miền Nam từ Hán-Việt được dùng tới đa. Trường Đại Học Sư Phạm ở miền Nam có ban Việt-Hán. Tổng thống Ngô Đình Diệm chịu ảnh hưởng Thiên Chúa Giáo, Khổng Giáo và văn hóa Tây Phương. Ông là người ngoan đạo từng sống ở Hoa Kỳ nên các bài diễn văn của ông thường kết thúc bằng câu 'Xin Ơn Trên Phù Hộ Cho Chúng Ta' giống như câu May God Bless Us của người Hoa Kỳ. Từ ngữ tiếng Anh của người Hoa Kỳ Việt hóa hầu như vắng bóng ngoại trừ những từ ngữ thể thao tiếng Anh Việt hóa đã có từ thời Pháp thuộc. Nhưng từ khi tiếp xúc với người Hoa Kỳ từ năm 1954 đến 1975 những từ sau đây thường được dùng đến như mục tiêu phải đạt và bổn phận phải làm: cộng đồng, phát triển cộng đồng, khuếch trương kinh tế, tự do, dân chủ, cộng hòa (dân quốc), tổng thống chế, chủ nghĩa nhân vị (Personalism), Cần Lao, Liên Đới, đả thực (thực dân), bài phong (phong kiến), diệt Cộng (Cộng Sản) v.v... Cải tiến dân sinh, Đồng tiến xã hội là những khẩu hiệu được tổng thống Ngô Đình Diệm thường nhắc đến.

*

Về Việt ngữ: Việt tự tức chữ quốc ngữ hiện hành và ngoại ngữ có ba dư luận gần như đối kháng như sau:

1. Có một dư luận về chữ quốc ngữ như sau: chữ quốc ngữ là sản phẩm của giáo sĩ người Pháp. Người Pháp xâm chiếm nước ta và quảng bá nó. Khuynh hướng này xem chữ quốc ngữ là sản phẩm của Pháp. Có người cực đoan hơn muốn bỏ chữ quốc ngữ và phục hồi chữ Nôm vì cho đó là một sản phẩm thuần túy Việt Nam.
2. Một số người chủ trương bỏ chữ Hán trong tiếng Việt vì dùng chữ Hán chứng tỏ ta lệ thuộc Tàu. Dùng càng nhiều chữ Hán càng làm cho người nghe càng khó hiểu.
3. Việt ngữ dồi dào phong phú nên không cần học ngoại ngữ.

*

Trước khi người Pháp đô hộ Việt Nam, nước ta không có chữ viết. Trong Lục Bộ không có bộ Giáo Dục. Năm 1932 vua Bảo Đại du học ở Pháp về mới có Bộ Học. Trước kia Bộ Lễ trông coi về tôn giáo, nghi lễ, ngoại giao lẫn giáo dục. Thực tế trong nước không có trường công lập. Quốc Tử Giám được mở ở kinh đô chỉ để giáo dục con quan mà thôi. Trường học đều là tư thục do các ông đồ hay quan lại hưu trí đặc trách việc giảng dạy. Thầy dạy chữ Hán thường là những người có tú tài Hán học nên không được triều đình bổ nhiệm ra làm quan hay những quan lại hưu trí hay rũ áo từ quan.

Người Pháp xâm lăng và bắt dân ta học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp thì có khác gì người Trung Hoa đô hộ nước ta và dạy chữ Hán cho dân tộc ta? Chữ Hán là chữ viết người xâm lăng từ phương Bắc nhưng chữ quốc ngữ không phải là chữ viết của người Pháp mà là chữ viết La Tinh hóa dựa vào cách phát âm của người Việt Nam. Đó là một phát minh của giáo sĩ và nhà ngôn ngữ học Alexandre de Rhodes. Về phương diện chánh trị và lịch sử, nước Pháp có đụng chạm với nước ta nhưng chữ quốc ngữ thì vô tội, lại mang nhiều tiện lợi cho nước ta vì trên thế giới ngày nay phần lớn các nước đều dùng mẫu tự La Tinh. Thổ Nhĩ Kỳ, Indonesia là những quốc gia Hồi Giáo đã mạnh dạn cải cách chữ viết của họ theo mẫu tự La Tinh, sao ta lại nghĩ đến việc dùng chữ Nôm? Trong thực tế chữ Nôm không có vai trò lớn nào trong lịch sử giáo dục và thi cử ở Việt Nam ngoại trừ thời gian ngắn ngủi thời Tây Sơn khi Nguyễn Huệ lên ngôi năm 1789. Vua Quang Trung mất năm 1792. Nhà Tây Sơn hoàn toàn sụp đổ năm 1801. Thời gian ngắn ngủi này là thời nội chiến giữa dòng Nguyễn Phúc và nhà Tây Sơn

sắp đến hồi kết cuộc. Vì vậy chữ Nôm không có cơ hội thuận lợi để phát triển dù chỉ trên lãnh thổ cai trị của nhà Tây Sơn. Với chữ quốc ngữ hiện hành việc quảng bá giáo dục quần chúng dễ dàng hơn với chữ Nôm. Một người không biết chữ chỉ cần học 6 tháng là biết đọc chữ quốc ngữ. Phải mất bao lâu mới đọc được chữ Nôm? Ai dạy? Nói nôm na thì dễ. Nhưng học chữ Nôm không dễ vì phải có căn bản chữ Hán mới học được chữ Nôm. Chữ quốc ngữ theo mẫu tự La Tinh giúp cho Việt tự tách rời khỏi văn hóa Trung Hoa ít ra về hình thức. Vào thế kỷ XIX khi Pháp chiếm Nam Kỳ, nhiều nhà giàu có không cho con đi học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp. Họ phải mượn người đi học để khỏi bị chánh quyền thuộc địa nghi ngờ có phản ứng chống Pháp.

Việc không dùng chữ Hán trong tiếng Việt sẽ làm cho tiếng Việt cằn cỗi hơn là phong phú. Có nhiều lãnh vực độc lập với chánh trị và tinh thần quốc gia. Ngôn ngữ, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật... là những lãnh vực độc lập đó. Trong những trang vừa qua tôi trình bày rất nhiều từ ngữ mà tiếng Việt vay mượn từ các nước khác. Tiếng Anh của người Hoa Kỳ phong phú hơn tiếng Anh của người Anh vì có sự vay mượn của nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới và vì khoa học kỹ thuật Hoa Kỳ phát triển nhanh chóng. Hằng năm có hàng ngàn sản phẩm mới ra đời và có tên gọi mới. Tự điển của Hoa Kỳ có thêm từ 3.000 đến 5.000 từ ngữ mới mỗi năm. Sự vay mượn chỉ làm giàu cho ngôn ngữ chứ có hại gì đâu. Vay mượn từ ngữ không phải trả vốn hay tiền lời chi cả. Tiếng Anh, Pháp và các ngôn ngữ Âu Châu đều phảng phất âm hưởng của La Tinh và Hy Lạp. Người Hoa Kỳ không có mặc cảm gì khi dùng tiếng nói của người Anh từng cai trị mình. Người Pháp hay Âu Châu không mặc cảm gì khi dùng từ ngữ gốc La Tinh vì xưa kia họ từng bị đặt dưới sự thống trị của đế quốc La Mã. Người Ấn Độ thấy thoải mái khi nói tiếng Anh, quốc gia từng đô hộ họ. Trong chừng mực nào đó tiếng Anh còn dễ dàng hơn các thổ ngữ trong nước. Ấn Độ há không có văn minh lâu đời? Người Canada không mặc cảm gì khi nói tiếng Anh và tiếng Pháp cũng như người Thụy Sĩ nói tiếng Đức, Pháp và Ý.

Trở về việc dùng chữ Hán trong tiếng Việt, ta thấy với chữ Hán trong Việt ngữ Việt Nam vẫn chưa có một quyển tự điển Việt ngữ hoàn chỉnh vì nước ta chưa có Hàn Lâm Viện. Bỏ chữ Hán, cuốn tự điển không hoàn chỉnh ấy mất đi 45% chiều dày của nó.

Người mù chữ ở Việt Nam vào giữa thế kỷ XX nói mã tà, phú-lít (police) thì họ biết nhưng nói cảnh sát thì họ không biết vì họ biết tên gọi mã tà hay phú-lít trước khi chữ cảnh sát ra đời. Một người không có trình độ văn hóa cao ở Hoa Kỳ biết money order chứ không biết chữ dịch ngân lệnh của nó. Ông ta biết food stamps chứ không biết tem phiếu lương thực. Đó là thói quen ban đầu đã dùng như vậy. Nếu không gọi voter là cử tri mà gọi là

người đi bỏ phiếu hay người đi bầu thì electoral college(cử tri đoàn) phải gọi là đoàn người đi bỏ phiếu? Quốc gia độc lập sẽ nói thành nước nhà đứng một mình? Giữa những chữ 'quốc gia độc lập' và 'nước nhà đứng một mình' cái nào nghe êm tai, sát nghĩa, dễ hiểu và dễ nhớ hơn? Những từ kép như chánh trị, tự do, dân chủ, cộng hòa, quốc hội, hiến pháp, ngân hàng, thị trường, kinh tế, thương mại... sẽ nói như thế nào cho người ta hiểu dễ dàng nếu bỏ Hán-Việt trong tiếng Việt? Đại nhân trở thành người lớn? Tiểu nhân là người nhỏ? Phản ứng của người nghe sẽ hiểu người lớn là người trên tuổi 18 tuổi (adult) hay cao lớn gần 2m. Hiểu như vậy có đúng nghĩa của chữ đại nhân không? Còn người nhỏ là người cao không quá 1.50 m? Nghĩa thật sự của chữ tiểu nhân có phải như vậy không?

Ngôn ngữ trong sáng hay không là do người truyền đạt nắm vững vấn đề mà mình muốn truyền đạt hay không và người nghe có đủ trình độ để nghe và hiểu vấn đề hay không. Mỗi ngành nghề, mỗi bộ môn có từ ngữ riêng của nó. Không thể dùng từ nôm na mà chuyện phức tạp trở nên giản dị, chuyện khó hiểu trở nên dễ hiểu. Khẩu hiệu Mười Sáu Chữ Vàng (16) và Bốn Tốt (4) không có chữ Hán, dễ hiểu nhưng hàm chứa vô số âm mưu thâm hiểm và tàn độc khó hiểu. Ngôn ngữ có qui luật, vẻ đẹp và giá trị riêng của nó. Nó được xem là tiêu chuẩn để đánh giá người nói lẫn người nghe. Quá khó khăn phức tạp như La Tinh hay Sanskrit (tiếng Phạn) thì dễ bị đào thải để trở thành tử ngữ (langues mortes). Giản dị hay phức tạp tùy vào định chế chánh trị, tình trạng kinh tế - xã hội, sự phát triển văn hóa, giáo dục và khả năng lý luận của dân chúng trong nước.

Khi Hoa Kỳ vừa lập quốc họ tìm cách giản dị hóa cách nói tiếng Anh. Tiếng Anh của người Anh phức tạp vì Anh là một nước quân chủ. Ngôn từ có giai cấp tính của nó. Ở Việt Nam dưới chế độ quân chủ cũng không ngoại lệ. Một số từ ngữ chỉ dành cho vua chúa và hoàng tộc như: lãng (mồ mả vua), long nhan (mặt vua), long thể (thân thể vua), long bào (áo của vua), ngọc tỷ (ấn của vua), thánh ý (ý của vua), núi ngự (núi nơi vua ngự), chuỗi ngự (chuối của vua ăn), ngự trù (đầu bếp của vua), ngự y (thầy thuốc của vua), vua se mình (vua bệnh), vua băng (vua chết), hoàng hậu lâm bồn (hoàng hậu hạ sinh con), hoàng hậu (vợ của vua), hoàng tử (con vua), công chúa (con gái vua) v.v... Tiếng Anh của người Hoa Kỳ giản dị vì đó là nước Cộng Hòa, dân chủ. Nhưng khi Hoa Kỳ trở thành một quốc gia có nền kinh tế phồn thịnh, đời sống dân chúng cao, giáo dục mở mang. Trình độ học vấn của dân chúng lên cao. Sự giản dị trong ngôn ngữ giảm đi nhưng không có nghĩa là thiếu sự sáng sủa đến nỗi không ai hiểu gì cả. Những người trưởng giả giàu có bắt đầu muốn có cuộc sống vương giả và dùng từ ngữ cầu kỳ như giới quý tộc Châu Âu xưa kia nhưng chưa đến nỗi gọi cái ghế là vật bằng gỗ để ngồi. Sự cầu kỳ và phức tạp đôi khi xuất phát từ ý muốn của loài người để có sự phân biệt và ngăn cách giữa người và người. Nếu con đường nào cũng ngay và thẳng thì phong cảnh trở nên

đơn điệu. Lắm lúc người ta phải làm cho nó cong queo, uốn khúc, thậm chí ngoằn ngoèo nguy hiểm để chấm dứt vẻ đơn điệu buồn tẻ và làm cho người lái xe phải chú ý và cẩn thận hơn. Sự phức tạp và khó hiểu của ngôn từ đôi khi cũng tương tự như thế.

Tô một bức tường 50m² chỉ trả có 2 ngày công thợ. Nhưng chạm trổ một cây cột 0,5 m² lại phải trả 20 ngày tiền công thợ vì vẻ đẹp nghệ thuật của cái nhà nằm trên cây cột chạm 0,5 m² chứ không phải trên bức tường tô 50m².

Sự phức tạp văn phạm của ngôn ngữ Âu Châu lại giúp cho ngôn ngữ của họ rõ ràng, sáng sủa. Nó xuất phát từ óc phân tích, tổng hợp và lý luận khoa học. Chỉ cần nghe cách chia động từ người ta biết trình độ người nói, chuyện xảy ra lúc nào (quá khứ, hiện tại, tương lai, tương lai giả định v.v...). Chỉ cần thấy không có S là thì biết không nhiều, thấy HE, SHE, IT, ELLE, IL thì biết đàn ông, đàn bà giống đực, giống cái, người hay vật. Sự sáng sủa đó xuất phát từ tinh thần trọng quy tắc, luật lệ và khoa học của người tò mò muốn có sự giải đáp của 5WH + H: What (cái gì ?), Who (ai?), Where (ở đâu), When (lúc nào?), Why (tại sao?) + How (cách nào/ như thế nào?). Trả lời được 5 WH + H thì khám phá ra nhiều điều mới lạ trong đời sống và trong vũ trụ. Muốn như vậy phải có dân chủ. Có tự do mới có sáng kiến và phát minh vì người ta dám hỏi và giải đáp những câu hỏi gai góc.

*

Dưới thời Pháp thuộc những người giỏi tiếng Pháp như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Diệp Văn Cương, Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... đều có danh tiếng và địa vị trong xã hội thuộc địa. Sau cách mạng tháng 8 nhiều người khốn đốn thậm chí có thể vong mạng vì nói tiếng Pháp. Sự khinh miệt trí thức trở nên thịnh hành trong xã hội Việt Nam từ năm 1930 và nở rộ không riêng dưới chế độ Cộng Sản ở miền Bắc mà cả dưới chế độ quân đội ở miền Nam. Nào là trí thức 'bơ sữa'. Nào là trí thức trùm chăn. Nào là trí thức không bằng cục phân. Nào là trí thức sa-lông, xôi thịt. Nào là trí thức trói gà không chặt. Hai chữ 'khoa bảng' được dùng với nghĩa xấu hơn là tốt. Bùi Quang Chiêu bị tàn sát cả nhà. Hồ Văn Ngà chết mất xác. Nguyễn Văn Sâm bị ám sát giữa thị thành. Trần Đức Thảo điên loạn. Nguyễn Mạnh Tường suyết chết đói. Phan Khôi chìm trong quên lãng. Phạm Ngọc Thạch chết trong rừng sâu. Trần Anh, Lê Minh Trí, Trần Văn Văn, Nguyễn Văn Bông bị ám sát chết. Trong tuồng hát lẫn ngoài đời người ta đề cao sự NGHÈO, DỐT nhưng không che dấu được sự khinh khi nghề dạy học nghèo nàn với những câu trở thành khẩu hiệu hay ca dao như: Nghèo mà thanh bạch, Học trò đi mò cá sặt, Thầy giáo ở nhà... Dưa leo chấm với cá kèo, Học trò nghèo đi học nọt-man (normale: sự phạm) v.v...

Trí thức bị nghèo đói, bị tù đày hay bị ám sát, thủ tiêu. Người thì mượn cửa Thiên để xa lánh thế gian. Người thì phải rời khỏi quê hương để được hưởng chút không khí tự do. Những hình ảnh trên làm cho người bằng quan thấy sự dốt nát là áo giáp của sự An Toàn và Hạnh Phúc. Nếu dựa vào thành kiến gắn liền trí thức, khoa bảng với ngoại bang để bài xích việc học ngoại ngữ thì đó là một thiệt thòi vô cùng to tát cho đất nước và dân tộc. Đó là một sự qui nạp hàm hồ, tai họa và vô tội vạ. Sự tự cô lập không giúp ích gì cho sự tiến bộ của đất nước và dân tộc. Chánh sách bế quan tỏa cảng vào thế kỷ XIX của triều đình Huế phỏng theo chánh sách bế quan tỏa cảng và bài Bạch Quỷ của Trung Hoa không giúp cho Việt Nam bảo vệ độc lập trước sự xâm lăng của Pháp. Nước Trung Hoa to lớn cũng không tránh được sự xâu xé của liệt cường Tây Phương. Bế quan tỏa cảng và tự cô lập không giúp cho vua quan ta thấy được con đường dẫn đất nước và dân tộc đến phồn vinh, tự do và hạnh phúc. Các nước Âu Châu rất quan tâm đến việc giảng dạy ngoại ngữ. Nhật và Nam Hàn (Đại Hàn) chủ trương mời thầy giáo người Anh hay Hoa Kỳ dạy tiếng Anh cho học sinh ngay từ bậc tiểu học để việc nói và nghe tiếng Anh được rất ráo hoàn chỉnh hơn. Các quốc gia chú trọng đến ngoại ngữ ý thức rằng ngoại ngữ giúp họ cập nhật những tiến bộ của nhân loại trên mọi lãnh vực.

Nếu học ngoại ngữ nên học ngoại ngữ nào? Vì sao?

Trên thế giới có các ngôn ngữ quan trọng sau đây:

1. Tiếng Quan Thoại: 935 triệu người nói tức 14,1% dân số địa cầu. Các nước nói Quan Thoại gồm có: Trung Hoa lục địa, Đài Loan (Taiwan), Singapore, Mã Lai (nơi có 30% cư dân gốc Trung Hoa).

2. Tiếng Tây Ban Nha: 387 triệu người nói (5,85% dân số địa cầu). Các nước Trung Mỹ (ngoại trừ Brazil), hải đảo Caribbean, Tây Ban Nha.

3. Tiếng Anh: 365 triệu người nói (5,52% nhân loại). Các nước nói tiếng Anh là Hoa Kỳ, Anh, Ái Nhĩ Lan (Ái Nhĩ Lan có ngôn ngữ của họ nhưng tỷ lệ người Ái Nhĩ Lan nói tiếng Anh rất cao), Nam Phi, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan.

4. Tiếng Hindi: 295 triệu người Ấn Độ nói (4,46% nhân loại). Dân số Ấn Độ hiện nay là 1,1 tỷ người.

5. Tiếng Ả Rập: 280 triệu người nói (4,23 % nhân loại) gồm các quốc gia Trung Đông, ngoại trừ Do Thái, Bắc Phi.

6. Tiếng Bồ Đào Nha: 204 triệu người nói (3,06% nhân loại) gồm các quốc

gia Brazil, Bồ Đào Nha, Angola, Mozambique.

7. Tiếng Bengali: 202 triệu người nói (3,05 %) gồm Bangladesh và cư dân phi Hồi Giáo quanh vùng.

8. Tiếng Nga: 160 triệu người nói (2,42 % nhân loại) gồm các quốc gia Nga, Trung Á, Mông Cổ và người Do Thái hồi hương.

9. Tiếng Nhật: 127 triệu người nói (1,92 % nhân loại).

Số người nói tiếng Anh đứng hàng thứ ba sau số người nói tiếng Quan Thoại và tiếng Tây Ban Nha nhưng tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến khắp thế giới từ thế kỷ XIX đến nay. Số người Ấn Độ nói tiếng Anh đông hơn cả người Anh chính gốc! Ở những vùng xa xôi như các cựu Cộng Hòa Sô Viết ở Trung Á, Tây Tạng, Tân Cương, Mông Cổ... cũng có người biết nói tiếng Anh.

Nhằm mục đích đào tạo mầm non để phát triển quốc gia, việc học tiếng Anh là điều cần thiết. Vì Hoa Kỳ, Anh là những nước có nền khoa học kỹ thuật tân tiến, kinh tế phồn thịnh với truyền thống kỹ nghệ và thương mại lâu đời. Hoa Kỳ và Anh là hai quốc gia được nhiều giải thưởng Nobel về khoa học, kinh tế và các lãnh vực khác căn cứ vào các số thống kê sau đây:

Quốc gia	Số giải thưởng Nobel
Hoa Kỳ	338
Anh	118
Đức	102
Pháp	65
Thụy Điển	30
Nga	27
Thụy Sĩ	26
Canada	21
Nhật	20
Ý	20
Hòa Lan	19
Áo	19

Số giải thưởng Nobel mà Nga được nhỏ hơn Thụy Điển (27-30). Nước Nga rộng lớn và đông dân so với Thụy Sĩ và Hòa Lan. Số giải thưởng

Nobel của Nga chỉ hơn Thụy Sĩ 1 giải (27-26) và hơn Hòa Lan 8 giải (27-19).

Nếu so với tiếng Quan Thoại, Tây Ban Nha, Nga, Pháp, Đức, Ý, Nhật thì tiếng Anh tương đối dễ học hơn các ngôn ngữ kia. Đó là tất cả những lý do tại sao phải chú trọng đến tiếng Anh.

Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học. Bài viết này chỉ là một bài góp ý hơn là bài khảo cứu ngôn ngữ. Tôi thiết tha mời bạn đọc cùng góp ý, sửa sai và bổ túc. Đó là cách thực tập tinh thần hợp tác và xây dựng lẫn nhau. Sức mạnh của một dân tộc không nằm trong khả năng xuất chúng của từng cá nhân nào mà nằm trong sự hợp tác của tập thể dân tộc. Chúng ta không thể kể tên một người Nhật xuất chúng nào ăn nói hùng hồn cả. Nhưng chúng ta có thể kể hàng loạt thành quả rực rỡ mà toàn dân và toàn nước Nhật tạo ra. Phải mạnh dạn ghi nhận rằng quê hương gốc chúng ta yếu vì không có sức mạnh tập thể mặc dù có rất nhiều cá nhân có điểm cao ở các học đường hay đấu cấp bằng cao ở các đại học trên thế giới.

Phạm Đình Lân, F.A.B.I.

Nguồn: <http://viettudomunich.blogspot.com.au/2016/01/viet-ngu-thuan-viet-pham-inh-lan.html>

Chuyển đến: **Hoàng Phong Linh**

Ngày 26/1/4895 (04/3/2016)

www.vietnamvanhien.net